

# David Brainerd

Ước gì tôi không lãng vãng trên thiên trình của mình

JOHN PIPER



**CÁC SÁCH KHÁC CỦA JOHN PIPER**  
ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGỮ SANG TIẾNG VIỆT

*Đừng lãng phí cuộc đời*

*Vi-rút Corona và Đấng Christ*

*Nhìn thấy và Say mê Jêsus Christ*

*Đói khát Đức Chúa Trời*

*Khi tôi không khao khát Chúa*

*Kính ngạc vì Đức Chúa Trời*

*Năm mươi lý do vì sao Chúa Jêsus đến chịu chết*

*Adoniram Judson*

*Tin mừng lớn*

*David Brainerd*



**DAVID BRAINERD**

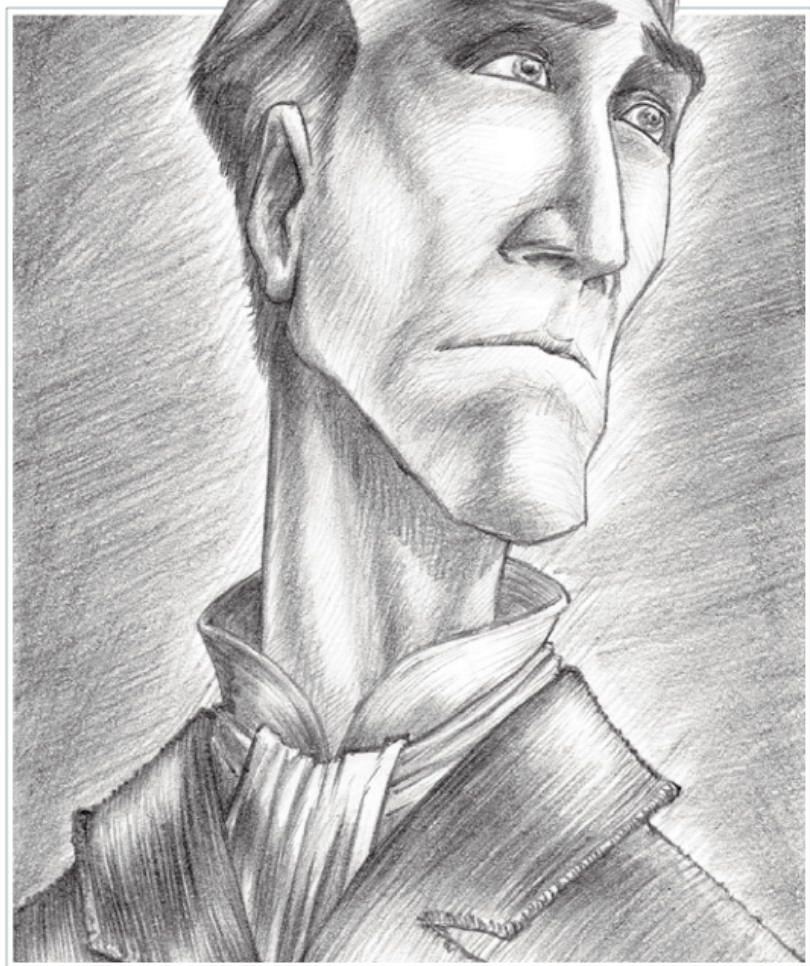
ƯỚC GÌ TÔI KHÔNG ĐI LẶNG VẮNG TRÊN THIÊN  
TRÌNH CỦA MÌNH

JOHN PIPER

DỊCH GIẢ  
DANIEL DOAN









David Brainerd sinh ngày 20 tháng 4 năm 1718 tại Haddam, Connecticut. Năm đó John Wesley và Jonathan Edwards được 14 tuổi. Benjamin Franklin được 12 tuổi và George Whitefield được 3 tuổi. Cuộc Đại tinh thức đã đến gần và Brainerd sẽ sống sót qua cả hai kỳ này vào giữa những năm ba mươi và đầu bốn mươi, sau đó qua đời lúc 29 tuổi vì bệnh lao tại nhà của Jonathan Edwards vào ngày 9 tháng 10 năm 1747.

### **Một gia đình độc đáo**

Cha của Brainerd là Hezekiah, người lập pháp của Connecticut đã qua đời khi David mới 9 tuổi. Đánh giá theo kinh nghiệm của bản thân với tư cách là một người con và một người cha, tôi nghĩ đó là năm khó khăn nhất trong cuộc đời. Ông là người thuộc phong trào Thanh giáo nghiêm khắc với quan điểm mạnh mẽ về thẩm quyền và sự khắc khe ở nhà; ông đã một lòng theo đuổi sự tin kính rất tha thiết đến nỗi bỏ ra nhiều ngày để kiêng ăn nhằm nâng cao sức khỏe thuộc linh.<sup>1</sup>

Brainerd là đứa con thứ sáu và con trai thứ ba của Hezekiah và Dorothy. Sau ông là ba đứa em khác. Dorothy đã mang theo một đứa con trai từ cuộc hôn nhân trước, vì thế mà gia đình có đến mười hai người trong nhà – nhưng chẳng được bao lâu. Đúng năm năm sau khi cha của ông qua đời lúc 46 tuổi, mẹ cũng qua đời khi ông được 14 tuổi.

Đường như có một sự yếu ớt và trầm cảm bất thường ở trong gia đình. Cha mẹ không chỉ mất sớm, anh trai của David là

---

1. Cuộc đời của David Brainerd, biên soạn bởi Norman Pettit, Các tác phẩm của Jonathan Edwards, cuốn 7, (New Haven: Yale University Press, 1985), trang 33. Tất cả số trang trong bài viết đều đề cập đến tập này và không chỉ chứa nội dung Ấn bản Brainerd's Diaries của Edwards, cũng như một số trích đoạn trong tạp chí và lời giới thiệu sâu rộng của Tiến sĩ Pettit và các thư từ liên quan.

Nehemiah cũng qua đời lúc 32 tuổi, anh trai Israel của ông qua đời lúc 23 tuổi, chị gái Jerusha qua đời lúc 34 tuổi và ông qua đời lúc 29 tuổi. Năm 1865, Thomas Brainerd (trong một tiểu sử của John Brainerd) là một hậu duệ đã cho biết rằng: “Trong gia đình Brainerd suốt hai trăm năm, đã có một khuynh hướng mắc chứng trầm cảm, giống như chứng bệnh nghi tưởng (64)”.

Vậy, ngoài việc có một người cha khắc khổ và phải chịu đựng sự mất mát cả cha lẫn mẹ khi còn là một đứa trẻ nhạy cảm, có lẽ ông đã thừa hưởng một khuynh hướng trầm cảm nào đó. Dù nguyên nhân là gì đi nữa, ông vẫn phải chịu đựng sự chán nản đen tối nhất trong suốt cuộc đời ngắn ngủi của mình. Ông nói ở phần đầu quyển nhật ký của mình rằng: “Tôi nghĩ từ khi còn trẻ, mình là một người tinh táo và có khuynh hướng sâu muộn hơn là thái cực khác (101)”.

### **Cãi vã với Chúa trong tâm hồn**

Khi mẹ qua đời, ông vượt sông Connecticut đến Đông Haddam để sống với người chị đã lập gia đình là Jerusha. Ông mô tả tôn giáo của mình trong những năm này là rất cẩn thận và nghiêm túc, nhưng không có ân điển thật. Khi được 19 tuổi, ông đã thừa kế một trang trại và chuyển đến Durham vài dặm về phía Tây để thử sức mình với nghề nông. Nhưng tấm lòng của ông không ở trong đó. Ông đã khao khát về “một nền giáo dục tự do”. (103) Trên thực tế, Brainerd là một người trầm ngâm và là một học giả từ đầu đến chân. Nếu ông không bị đuổi khỏi Yale, có lẽ ông đã theo đuổi công tác giảng dạy hoặc làm mục sư thay vì trở thành một giáo sĩ cho người da đỏ.

Sau một năm ở trang trại, ông trở lại Đông Haddam để chuẩn bị vào Yale. Đó là mùa hè năm 1738. Ông được 20 tuổi. Trong suốt một năm ở trang trại, ông đã cam kết với Chúa để bước vào chức vụ. Nhưng ông vẫn chưa được cải đạo. Ông đã đọc hết Kinh

Thánh đến hai lần trong năm đó và bắt đầu thấy rõ hơn rằng tất cả tôn giáo của ông đều là tuân giữ luật pháp và chỉ dựa vào nỗ lực riêng của mình. Ông đã có cuộc cãi cọ gay gắt với Đức Chúa Trời trong tâm hồn mình. Ông nổi loạn chống lại nguyên tội và nghịch cùng sự nghiêm khắc của luật pháp thiêng liêng và chống lại quyền tối thượng của Đức Chúa Trời. Ông đã tranh cãi với thực tế rằng mình không thể làm gì bằng sức riêng để chứng tỏ ở trước mặt Chúa (113–124).

Ông nhận ra rằng “tất cả khuôn mẫu tốt đẹp của tôi chỉ là sự công bình riêng, không dựa vào một khao khát làm vinh hiển Đức Chúa Trời” (103).

*Lời cầu nguyện của tôi không có gì tốt lành hơn việc chèo thuyền bằng hai tay trong nước . . . bởi vì (những lời cầu nguyện của tôi) không được làm từ lòng yêu mến hay sự tôn kính đối với Đức Chúa Trời . . . Tôi chưa từng cầu nguyện vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (134).*

*Tôi chưa bao giờ có ý định tôn kính và làm vinh hiển Chúa . . . Tôi chưa từng hành động vì Đức Chúa Trời trong sự thờ phượng của mình . . . Tôi đã từng buộc tội chúng . . . (vì) những suy nghĩ lang thang và viễn vông . . . không phải vì tôi chưa từng cố gắng tôn vinh Đức Chúa Trời qua những điều đó (136).*

### **Một góc nhìn về sự vinh hiển lớn lao**

Nửa tiếng đồng hồ trước khi mặt trời lặn lúc ông được 21, ông đang ở một mình cầu nguyện.

*Khi tôi đang bước đi trong nắm mở dày đặc tối tăm, “vinh hiển lớn lao” dường như mở ra trước mặt tâm hồn của tôi*

*một góc nhìn và sự hiểu biết . . . Đó là một hiểu biết hay quan điểm mới về Đức Chúa Trời; là điều mà tôi chưa từng có từ trước đến giờ và tôi cũng không hề nhớ tới. Vậy, tôi đứng yên, kinh ngạc và ngưỡng mộ . . . Tôi chưa từng hiểu thật cụ thể về bất kỳ thân vị nào trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời như Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con hay Đức Thánh Linh, nhưng bây giờ tôi mới rõ tường tận sự vinh hiển và huy hoàng của Ngài. Tâm hồn của tôi “vui mừng khôn xiết” khi nhìn thấy một Đức Chúa Trời như thế, một hữu thể thiêng liêng vinh hiển vô cùng, trong thâm tâm tôi rất vui và thỏa mãn rằng Chúa chính là Đức Chúa Trời của muôn vật cho đến đời đời và mãi mãi. Tâm hồn của tôi bị thu hút và vui sướng trước sự cao cả, sự đẹp đẽ, vĩ đại và những điều toàn hảo khác của Đức Chúa Trời đến nỗi thậm chí bị nuốt chửng ở trong Ngài, ít nhất đến mức tôi cũng không nghĩ gì đến sự cứu rỗi của mình hoặc thật hiếm có một tạo vật giống như tôi đây.*

*Vậy, tôi tin Chúa đã cho mình có ước muốn tha thiết tôn vinh Ngài, tôn Ngài lên ngôi và “trước hết tìm kiếm nước Đức Chúa Trời”, tức là chủ yếu và cuối cùng là hướng tới việc tôn kính và làm vinh hiển Chúa với tư cách là Vua và Chúa tối thượng cả cõi hoàn vũ, là nền tảng tôn giáo của Chúa Jêsus . . . Tôi cảm thấy mình đang ở trong một thế giới mới (138–140).*

Đó là Ngày của Chúa, ngày 12 tháng 7 năm 1739. Ông được 21 tuổi. Hai tháng sau, ông vào Yale để chuẩn bị cho chức vụ. Đó là một khởi đầu gian nan. Ông bị các bạn lớp trên bắt nạt, ít thiêng liêng, các bài nghiên cứu khó khăn, ông mắc bệnh sỏi và phải về nhà vài tuần trong năm đầu tiên đó.

Năm sau, ông được gửi về nhà vì ốm đến nỗi khạc ra máu.

Vậy, ngay từ khi còn nhỏ, ông đã mắc bệnh lao và sẽ chết bảy năm sau đó. Điều đáng kinh ngạc có thể không phải là việc ông chết sớm và đạt được rất ít thành tựu, mà là dù ốm yếu nhưng ông vẫn sống lâu và đạt được rất nhiều thành tựu.

### **Thức tỉnh tâm linh tại Yale**

Khi ông trở lại Yale vào tháng 11 năm 1740, bầu không khí tâm linh đã thay đổi hoàn toàn. George Whitefield đã từng ở đó và có nhiều sinh viên nghiêm túc với niềm tin của mình, điều này giúp Brainerd hòa nhập dễ dàng hơn. Trên thực tế, căng thẳng đang nổi lên giữa vòng sinh viên đã được phục hưng tâm linh và những giảng viên, nhân viên kém hào hứng hơn. Vào năm 1741, các mục sư – nhà truyền giáo như Gilbert Tennent, Ebenezer Pemberton và James Davenport đã thổi bùng ngọn lửa bất mãn trong vòng sinh viên bằng lời rao giảng nảy lửa của họ.

Jonathan Edwards được mời đến chia sẻ bài diễn văn khai giảng vào năm 1741 với hy vọng ông sẽ đổ ít nước vào lửa và bảo vệ ban giám học trước sự nhiệt thành của các sinh viên. Một số giảng viên thậm chí còn bị chỉ trích là không cải đạo. Edwards đã chia sẻ một bài giảng có tựa đề là: “Những dấu hiệu nổi bật về công tác của Đức Thánh Linh” và đã khiến ban giám học và nhân sự thất vọng hoàn toàn. Ông lập luận rằng công tác đang diễn ra trong thời kỳ thức tỉnh và đặc biệt giữa vòng sinh viên là một công tác thuộc linh bất chấp sự thái quá.

Vào buổi sáng hôm đó, tuyên bố sau đây đã được các ủy viên đại học bỏ phiếu:

*Nếu bất kỳ sinh viên nào của Trường trực tiếp hoặc gián tiếp nói rằng Hiệu trưởng, các Ủy viên hoặc gia sư là giả hình, xác thật hoặc chưa cải đạo, thì đối với lần vi phạm*

*Thứ nhất người đó sẽ thú tội ở trong hội trường và lần vi phạm thứ hai sẽ bị đuổi khỏi trường (41).*

Edwards rõ ràng có thiện cảm với các sinh viên hơn là cán bộ của trường. Ông thậm chí còn đi xa hơn khi chia sẻ trong bài diễn văn khai mạc chiều hôm đó rằng: “Không có bằng chứng nào cho thấy một sự kiện nào đó không phải là công tác của Đức Chúa Trời, nếu có nhiều người bị tác động bởi sự kiện đó . . . bị mắc tội quá nhiệt tình chỉ trích người khác là chưa cải đạo”(42).

### **Bị đuổi vì một kế hoạch khác**

Brainerd có mặt trong đám đông khi Edwards phát biểu. Người ta không thể không tự hỏi liệu sau này Edwards có cảm thấy phải chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra với Brainerd trong học kỳ tiếp theo hay không. Ông đứng đầu lớp về mặt học tập nhưng bị đuổi học ngay lập tức vào đầu năm 1742 khi đang học năm thứ ba. Người ta tình cờ nghe thấy ông nói rằng một trong những gia sư là Chauncey Whittelsey “không có ấn điển hơn một cái ghế” và ông thắc mắc tại sao Hiệu trưởng “không chết gục” cho rồi vì đã phạt các sinh viên có lòng nhiệt thành truyền giáo (42, 155).

Sự việc bị đuổi khỏi trường đã khiến Brainerd tổn thương sâu sắc. Ông đã cố gắng hết lần này đến lần khác để giải quyết mọi việc trong vài năm tiếp theo. Rất nhiều người đến giúp đỡ ông, nhưng tất cả đều vô ích. Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch khác cho Brainerd. Thay vì dành 6 năm yên lặng ở trong chức vụ hoặc giảng đường, rồi qua đời và chẳng có chút ý nghĩa lịch sử nào, Đức Chúa Trời đã sai ông vào đồng vắng để ông chịu khổ vì cơ danh Ngài và tạo ra một ảnh hưởng to lớn ở trên lịch sử truyền giáo.

Trước khi con đường trở thành mục sư bị cản trở, Brainerd không có ý trở thành một giáo sĩ cho người da đỏ. Nhưng bây giờ

ông phải suy nghĩ lại. Có một đạo luật đã được thông qua gần đây rằng mục sư không được bổ nhiệm ở Connecticut nếu chưa tốt nghiệp Harvard, Yale hoặc một trường Đại học châu Âu. (52) Brainerd cảm thấy mình không thể đi theo tiếng gọi nữa.

Có một bài học quan trọng ở chỗ này. Đức Chúa Trời đang hành động vì sự vinh hiển của danh Ngài và lợi ích của Hội thánh ngay cả khi dự định rất tốt của tôi tớ Chúa không thành hiện thực – ngay cả khi thất bại xảy ra là do tội lỗi hoặc sự bất cẩn. Một lời nói bất cẩn, đã nói ra cách vội vàng, đã khiến cuộc đời của Brainerd dường như tan vỡ trước mắt ông. Nhưng Đức Chúa Trời biết rõ hơn và Brainerd đã chấp nhận điều đó. Trên thực tế, tôi rất muốn suy đoán liệu phong trào truyền giáo hiện đại, vốn được truyền cảm hứng nhiều lần từ cuộc đời truyền giáo của Brainerd, có xảy ra hay không nếu David Brainerd không bị đuổi khỏi Yale và bị cản trở không còn hy vọng phục vụ Đức Chúa Trời trong chức vụ mục sư!

### **Được sai đến với người da đỏ**

Vào mùa hè năm 1742, một nhóm mục sư có thiện cảm với cuộc Đại Tỉnh Thức (được gọi là Ánh sáng Mới) đã cho phép Brainerd rao giảng. Jonathan Dickinson, người lãnh đạo hệ phái Trưởng lão ở New Jersey, đã để ý Brainerd và cố gắng đưa ông về lại Yale. Khi điều đó không thành công, Brainerd được mời trở thành giáo sĩ cho người da đỏ dưới sự tài trợ của các Ủy viên thuộc Hội Truyền bá Kiến thức Cơ Đốc ở Scotland. Dickinson là một trong những Ủy viên đó. Vào ngày 25 tháng 11 năm 1742, Brainerd được kiểm tra sức khỏe vì tính chất của công việc và được bổ nhiệm làm giáo sĩ cho người da đỏ (188).

Ông đã dành cả mùa đông để phục vụ một nhà thờ ở Long Island để có thể xâm nhập khu vực hoang mạc vào mùa xuân. Nhiệm vụ đầu tiên của ông là phục vụ người da đỏ Housatonic tại

Kaunaumeeek, cách Stockbridge, Massachusetts khoảng 20 dặm về phía Tây Bắc, cũng là nơi Edwards sau này sẽ phục vụ với tư cách là nhà truyền giáo cho người da đỏ. Ông đến đó vào ngày 1 tháng 4 năm 1743 và rao giảng trong một năm, sử dụng thông dịch viên và cố gắng học ngôn ngữ từ John Sergeant, một nhà truyền giáo kỳ cựu tại Stockbridge. (228) Ông đã thành lập một trường học cho trẻ em Da đỏ và chuyển ngữ một vài Thi thiên (61).

Sau đó, ông được tái bổ nhiệm đến phục vụ người da đỏ dọc theo con sông Delaware ở Pennsylvania. Vậy, vào ngày 1 tháng 5 năm 1744, ông rời Kaunaumeeek và định cư ở Forks của Delaware, phía Đông Bắc Bethlehem, Pennsylvania. Vào cuối tháng, ông đến Newark, N.J. để được hội Trưởng lão Newark kiểm tra và được thụ phong vào ngày 11 tháng 6 năm 1744 (251–252).

Brainerd đã rao giảng cho người da đỏ ở Forks của Delaware trong một năm. Nhưng vào ngày 19 tháng 6 năm 1745, ông thực hiện chuyến đi rao giảng lưu động đầu tiên cho người da đỏ tại Crossweeksung, New Jersey. Đây là nơi Đức Chúa Trời đã vận hành bằng quyền năng kỳ diệu và mang lại sự thức tỉnh lẫn phước hạnh cho người da đỏ. Trong vòng một năm, đã có thêm 130 người ở trong cộng đồng tín hữu ngày càng tăng của ông (376). Toàn bộ cộng đồng Cơ Đốc chuyển từ Crossweeksung đến Cranberry vào tháng 5 năm 1746 để có đất đai và ngôi làng riêng của họ. Brainerd ở lại với những người da đỏ cho đến khi ông mắc bệnh nặng không còn phục vụ được nữa, vào tháng 11 năm 1746, ông rời Cranberry để dành bốn tháng cố gắng hồi phục sức khỏe ở thị trấn Elizabeth tại nhà của Jonathan Dickinson.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 1747, David Brainerd đến thăm những người bạn da đỏ lần cuối và sau đó đi đến nhà của Jonathan Edwards ở Northampton, Massachusetts, đến nơi vào ngày 28 tháng 5 năm 1747. Ông thực hiện một chuyến đi đến Boston vào mùa hè rồi quay trở lại và chết vì bệnh lao ở nhà Edwards ngày 9 tháng 10 năm 1747.

## Ảnh hưởng từ cuộc đời của Brainerd

Đó là một cuộc đời ngắn ngủi: hai mươi chín năm, năm tháng và mười chín ngày. Chỉ có 8 năm trong số đó là một người tin Chúa và chỉ có bốn năm trong số đó là một giáo sĩ. Tại sao cuộc đời của Brainerd lại ảnh hưởng đến như vậy? Một lý do rõ ràng đó là Jonathan Edwards đã lấy các quyền nhật ký và xuất bản chúng thành *Cuộc đời của Brainerd* vào năm 1749. Nhưng tại sao quyển sách này không ngừng tái bản? Tại sao John Wesley nói rằng: “Mọi nhà truyền đạo nên đọc kỹ ‘Cuộc đời của Brainerd (3)’”? Tại sao người ta lại viết về Henry Martyn rằng “khi nghiên cứu kỹ cuộc đời của David Brainerd, tâm hồn của ông đầy dẫy sự ganh đua trước một người thật phi thường ấy; sau khi cân nhắc kỹ và dốc đổ cầu nguyện, ông đã quyết tâm noi gương người này”?<sup>2</sup> Tại sao William Carey xem quyển sách *Cuộc đời của Brainerd* của Edwards là một tài liệu thiêng liêng? Tại sao Robert Morrison, Robert McCheyne của Scotland, John Mills của Mỹ, Frederick Schwartz của Đức, David Livingston của Anh, Andrew Murray của Nam Phi, Jim Elliot của Mỹ hiện đại lại kính nể Brainerd và chính họ cũng như vô số người khác đã được ông thêm sức như vậy (4)?

Gideon Hawley, một giáo sĩ được Jonathan Edwards bảo trợ đã lên tiếng trước hàng trăm người khi viết về những khó khăn của mình với tư cách là một giáo sĩ vào năm 1753 rằng:

*Tôi rất cần không chỉ lòng nhân đạo [con người hay tự nhiên] để hỗ trợ tôi. Tôi đọc Kinh Thánh và quyển sách Cuộc đời của Brainerd, đó là những quyển sách duy nhất mà tôi mang theo bên mình và nhận được một ít hỗ trợ từ hai quyển sách này (3).*

---

2. “Brainerd, David,” trong Bách khoa toàn thư tôn giáo, cuốn 1, do Philip Schaff biên soạn, (New York: the Christian culture Company, 1888), 320 .

Tại sao cuộc đời của người này lại có ảnh hưởng đến như vậy? Hoặc có lẽ tôi nên hỏi cách khiêm tốn và dễ hiểu hơn rằng: *Tại sao cuộc đời của ông ta ảnh hưởng tôi đến như vậy? Cuộc đời của người này đã giúp tôi tấn tới trong chức vụ, cố gắng nên thánh và nhờ cậy quyền phép thiêng liêng và tìm kiếm kết quả cho cuộc đời mình như thế nào?*

Câu trả lời dành cho tôi đó là cuộc đời của Brainerd chính là bằng chứng sống động và mạnh mẽ về Đức Chúa Trời mới là Đấng có thể và sử dụng thánh đồ yếu đuối, bệnh tật, chán nản, thất bại, cô đơn, chật vật, những người ngày đêm kêu cầu Ngài để thực hiện các việc kỳ diệu vì sự vinh hiển của Chúa.

Để minh họa cho điều này, trước tiên chúng ta sẽ suy xét các cuộc đấu tranh của Brainerd, sau đó là cách ông đối diện với chúng và cuối cùng là cách Chúa sử dụng ông cùng tất cả yếu đuối của ông.

## **Những tranh chiến của ông**

*Brainerd không ngừng chiến đấu với bệnh tật*

Ông đã nghỉ học đại học vài tuần vì ho ra máu vào năm 1740. Đến tháng 5 năm 1744, ông viết rằng: “Cưỡi ngựa nhiều giờ dưới trời mưa qua vùng đất hoang vu đang gào thét, mặc dù cơ thể tôi rối loạn đến mức ít nhiều máu cứ chảy ra hoài”(247). Thành thạo ông lại viết những điều như sau:

Vào buổi chiều cơn đau của tôi tăng lên vô cùng; buộc tôi phải nằm trên giường . . . Đôi khi, tôi gần như mất cả lý trí trước sự đau đớn tột độ. (253).

Vào tháng 8 năm 1746 ông viết rằng:

*Suốt đêm đổ mồ hôi lạnh, sáng nay tôi ho ra máu nhiều, toàn thân rối loạn và rất buồn (420).*

Vào tháng 9, ông đã viết rằng:

*Tập thể dục với cơn ho dữ dội và sốt cao; không thèm ăn món gì cả; thường xuyên mưa ra những gì mình đã ăn ngay sau khi ăn xong; không được nghỉ ngơi nhiều trên giường vì đau ngực và lưng: tuy nhiên, tôi có thể cưỡi ngựa đến gặp hội chúng của tôi cách chừng hai dặm mỗi ngày, chăm sóc một số người đang xây căn nhà nhỏ để tôi đến sống giữa vòng người da đỏ (430).*

Vào tháng 5 năm 1747 tại nhà của Jonathan Edwards, các bác sĩ đã nói với rằng ông mắc bệnh nan y và không còn sống được bao lâu nữa (447). Trong vài tháng cuối đời, sự đau khổ của ông thật khủng khiếp. Vào ngày 24 tháng 9: “Trong cơn đau đớn cùng cực mà tôi từng phải chịu đựng mỗi khi bị nấc cục bất thường; nó bóp cổ tôi hoặc khiến tôi phải nôn mửa” (469).

Edwards nói vào tuần trước khi ông mất rằng:

*Anh ta nói với tôi là không ai hiểu được nỗi đau đớn trong lồng ngực mà anh ấy phải chịu. Anh ta tỏ ra lo ngại rằng mình sẽ làm ô danh Chúa vì thiếu kiên nhẫn trước nỗi đau cùng cực của mình; đến nỗi anh ấy nói rằng ý nghĩ phải*

*chịu đựng thêm một phút nữa gần như là không thể. Vào buổi tối trước khi qua đời, anh ta nói với mọi người xung quanh rằng cái chết là một điều khác so với những gì mọi người tưởng tượng (475–476).*

Điều gây ấn tượng với độc giả về quyển nhật ký này không chỉ là mức độ đau khổ nghiêm trọng của Brainerd vào thời kỳ chưa có thuốc kháng sinh và thuốc giảm đau, mà đặc biệt là căn bệnh này kéo dài rất lâu. Nó cứ ở như thế. Nhưng ông vẫn tiếp tục công việc của mình.

*Brainerd đã chiến đấu với chứng trầm cảm tái phát không ngừng*

Brainerd đã hiểu rõ hơn từ kinh nghiệm của mình về sự khác biệt giữa việc bị ruồng bỏ thuộc linh và căn bệnh u sầu. Vậy, mấy nhận định sau này của ông về tình trạng thuộc linh của mình có lẽ cẩn thận hơn những lần nhận xét trước đó. Nhưng dù người ta đánh giá tình trạng tâm lý của ông như thế nào đi nữa, ông vẫn bị dày vò hết lần này đến lần khác về sự chán nản rất đen tối. Điều kỳ diệu là ông vẫn sống sót và tấn tới phía trước.

Brainerd cho biết ông đã sống như vậy từ khi còn trẻ (101). Nhưng ông nói có sự khác biệt giữa chứng trầm cảm mà ông phải chịu trước và sau khi cải đạo. Sau khi cải đạo, dường như có một hòn đá của sự tuyển chọn trong tình yêu thương ở bên dưới đang nâng đỡ ông, hầu cho lúc đen tối nhất ông vẫn có thể khẳng định được chân lý và sự tốt lành của Đức Chúa Trời, mặc dù ông không thể cảm nhận được điều đó trong một giai đoạn (93, 141, 165, 278).

Nhưng dù sao thì chứng bệnh này cũng đã đủ tệ hại rồi. Nỗi đau khổ của ông thường là do căm ghét tội lỗi còn sót lại của

mình. Thứ Năm, ngày 4 tháng 11 năm 1742. “Thật đau buồn khi cảm thấy một địa ngục thối nát vẫn còn đọng lại ở trong tâm hồn mình” (185). Đôi khi cảm giác không xứng đáng này mãnh liệt đến mức ông cảm thấy bị dứt bỏ khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Ngày 23 tháng 1 năm 1743:

*Thật hiếm khi cảm thấy mình không đáng để tồn tại, như lúc này: tôi thấy mình không xứng đáng có được vị trí giữa vòng người da đỏ, là nơi tôi đang đến . . . Không ai biết, nhưng người nào cảm nhận được điều đó, những gì tâm hồn chịu đựng đã bị dứt khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời: Than ôi, cảm giác này còn đáng hơn cả cái chết (195–6)!*

Ông thường gọi chứng trầm cảm của mình đại loại là cái chết. Tôi đếm được ít nhất 22 chỗ trong Nhật ký mà ông viết mong được chết đi để thoát khỏi cảnh khốn cùng của mình. Thí dụ:

Chúa Nhật, ngày 3 tháng 2 năm 1745:

*Tâm hồn tôi nhớ “cây ngải đắng và túi mật” (tôi gần như có thể nói là địa ngục) của ngày thứ Sáu tuần trước; tôi vô cùng lo sợ mình sẽ phải uống lại “chén run rẩy” đó, nó còn đáng hơn cả cái chết, nó khiến tôi khao khát ngòi mộ nhiều đến mức không tả xiết, còn hơn những kho báu được giấu kín (285).*

Chúa Nhật, ngày 16 tháng 12 năm 1744:

*Quá chán nản, không biết sống sao: Tôi mong được chết  
lắm: Tâm hồn tôi “chìm trong nước sâu”, và “con lữ” sẵn  
sàng “nhận chìm tôi”: Tôi bị áp bức đến nỗi tâm hồn tôi  
đang ở trong nỗi kinh hoàng (278).*

Điều đó khiến ông chông chất thêm đau khổ đến mức nỗi khổ sờ  
về tinh thần đã cản trở chức vụ và sự tận hiến của ông.

Thứ Tư, ngày 9 tháng 3 năm 1743:

*Đạp xe 16 dặm đến Montauk, trên đường đi có chút ngọt  
ngào ở trong lòng, nhưng có gì đó bằng phẳng và chết  
chóc sau khi tôi nhìn thấy những người da đỏ: Tôi rút lui và  
cố gắng cầu nguyện, nhưng lại thấy mình bị bỏ rơi khủng  
khiếp và cảm thấy khó chịu về sự thấp kém và hèn hạ của  
mình (199).*

Đôi khi ông hoàn toàn bất động trước đau khổ và không thể hoạt  
động được nữa.

Thứ Ba, ngày 2 tháng 9 năm 1746:

*Tôi chưa từng cảm thấy bối rối trước cảm giác không kết  
quả và không phù hợp với công việc của mình như bây  
giờ. Ôi, giờ đây tôi thấy mình là một kẻ khốn nạn đáng*

*chết, nhẩn tâm, cần cỗi, vô dụng! Tôi bị xuống tinh thần, thể lực kiệt quệ đến nỗi không thể làm được gì cả. Cuối cùng, quá mệt mỏi, nằm xuống trên tấm da trâu; nhưng đỡ mồ hôi nhiều suốt đêm (423ff).*

Điều đáng kinh ngạc là Brainerd thường tiếp tục thực hiện những điều thiết thực cho công việc của mình khi đối mặt với những làn sóng chán nản này. Điều này chắc chắn đã khiến nhiều giáo sĩ quý mến ông, những người đã tận mắt chứng kiến nỗi đau khổ mà ông phải chịu đựng.

*Brainerd chiến đấu với sự cô đơn*

Ông kể về việc phải chịu đựng cuộc nói chuyện tục tĩu của hai người lạ vào một đêm tháng 4 năm 1743 và nói rằng: “Ôi, tôi mong có một Cơ Đốc nhân thân yêu nào đó biết được nỗi đau khổ của mình (204)!”

Một tháng sau ông nói rằng:

*Hầu hết cuộc nói chuyện tôi nghe đều là tiếng Scotch vùng cao hoặc tiếng Da đỏ. Tôi không có người Cơ Đốc nhân nào làm bạn có thể thổ lộ nỗi buồn tâm linh của mình và có thể nhận được lời khuyên ngọt ngào khi trò chuyện về những điều trên trời và cầu nguyện cho nhau (207).*

Sự đau khổ này đôi khi khiến ông chùn bước, không muốn thực hiện một công việc mạo hiểm khác. Thứ Ba, ngày 8 tháng 5 năm 1744: “Đôi khi tâm trí tôi chìm đắm trong những suy nghĩ về công việc của mình, rồi đi một mình vào nơi hoang vắng, tôi không biết đi đâu” (248).

Vào tháng 12 năm 1745, ông viết một lá thư cho bạn của mình là Eleazar Wheelock và nói rằng: “Tôi không nghi ngờ khi anh đọc được nhật ký của tôi, anh sẽ hiểu rõ hơn về việc tôi cần có một người bạn đồng hành trong chuyến đi hơn bao giờ hết” (584).

Nhưng tất nhiên không phải người nào cũng có thể làm bạn của mình. Ông muốn có một người bạn tâm giao. Nhiều người trong chúng ta có thể đồng cảm với khi ông nói rằng:

*Tôi có thể trò chuyện với nhiều người về tôn giáo: nhưng than ôi, tôi thấy rất ít người để trò chuyện về tôn giáo: Nhưng, tạ ơn Chúa, có một số người thích ăn phần lõi hơn là cái vỏ (292).*

*Nhưng Brainerd vẫn một mình thực hiện chức vụ của mình cho đến cuối cùng. Vào 19 tuần cuối đời của ông, cô con gái 17 tuổi của Jonathan Edwards là y tá Jerusha Edwards của ông, nhiều người suy đoán rằng giữa họ có tình yêu sâu sắc. Nhưng trong nơi hoang vắng và trong chức vụ, ông chỉ có một mình và chỉ có thể trút hết tâm hồn mình trước mặt Đức Chúa Trời. Chúa đã cứu mang và giữ ông tiếp tục bước đi.*

*Brainerd đã chiến đấu với nhiều khó khăn ở bên ngoài*

Ông mô tả cơ sở truyền giáo đầu tiên của mình tại Kaunaumeeek vào tháng 5 năm 1743 rằng:

*Tôi sống không có nhiều tiện nghi trong cuộc sống: phần lớn khẩu phần của tôi là ngô luộc, bánh pút-đinh nhỏ . . . Tôi nằm trên một bó rơm, lao động cực nhọc và vô cùng vất vả; tôi có được nhiều kinh nghiệm thành công để yên ủi mình (207).*

Vào tháng 8, ông nói rằng:

*Trong tình trạng thân thể bị suy yếu này, (tôi) không thấy khổ sở khi thiếu thốn đồ ăn. Không có bánh mì, tôi cũng không kiếm được ở đâu cả. Tôi buộc phải tự đi hoặc chờ khoảng mười hay mười lăm dặm mới có bánh mì ăn; đôi khi nó bị mốc và chua trước khi tôi ăn, nếu tôi ăn quá nhiều . . . Nhưng nhờ ơn Chúa, tôi đã ăn vài bữa ăn của người Da đỏ, trong đó tôi làm những chiếc bánh nhỏ và chiên chúng. Nhưng tôi cảm thấy thỏa lòng với hoàn cảnh của mình và giao phó cho Chúa cách ngọt ngào (213–214).*

Ông nói mình thường xuyên bị lạc trong rừng và phải chịu cái lạnh và cái đói (222). Ông nói chuyện con ngựa của mình bị đánh cắp hoặc bị đầu độc hoặc bị gãy chân (294, 339). Ông kể chuyện khỏi ra từ lò sưởi khiến phổi của ông không chịu nổi nên phải ra ngoài trời lạnh để thở, sau đó không thể ngủ suốt đêm (422).

Nhưng cuộc chiến đấu với những khó khăn bên ngoài, dù lớn lao đến đâu, cũng không phải là cuộc chiến tồi tệ nhất của ông. Hình như ông đã biết cách phó thác và thậm chí có thể nghỉ ngơi trong nhiều tình cảnh như vậy. Ông biết chúng phù hợp với cách tiếp cận cuộc sống theo Kinh Thánh:

*Những mệt mỏi và khó khăn như vậy giúp tôi từ bỏ thế gian nhiều hơn; tôi tin rằng điều này sẽ làm cho thiên đàng trở*

*nên ngọt ngào hơn. Trước đây, khi chịu cái lạnh, trời mưa, . . .  
. tôi sẵn sàng làm hài lòng mình bằng ý nghĩ tận hưởng một  
ngôi nhà tiện nghi, một ngọn lửa ấm áp và những điều thoải  
mái khác ngoài kia; nhưng bây giờ những điều này ít còn chỗ  
đứng ở trong lòng của tôi (nhờ ân điển của Chúa) và mắt tôi  
tìm kiếm sự yên ủi đến từ Chúa nhiều hơn. Trong thế giới  
này, tôi mong đợi sự hoạn nạn; bây giờ hoạn nạn không còn  
xa lạ với tôi như trước đây nữa; Trong những lúc khó khăn  
như vậy, tôi không tự động viên bản thân mình rằng sau này  
sẽ tốt hơn; nhưng thà nghĩ đến khả năng mọi chuyện sẽ còn  
tồi tệ hơn thế nào nữa; biết bao thử thách lớn lao hơn xảy ra  
với tôi con Chúa; có lẽ nhiều điều lớn hơn nữa đang được  
đề dành cho tôi chẳng! Đáng chúc tụng Đức Chúa Trời vì  
Ngài đã yên ủi tôi trong lúc khắc nghiệt nhất; hiếm khi nào  
những suy nghĩ này đi kèm với nỗi kinh hoàng hay sầu muộn;  
nhưng chúng thường có vui sướng theo cùng (274).*

Vậy, bất chấp những khó khăn khủng khiếp bên ngoài mà Brainerd đã nếm biết, ông vẫn tiếp tục tiến lên và thậm chí còn phát triển mạnh mẽ trong sự hoạn nạn dẫn mình về thiên quốc.

*Brainerd chiến đấu tranh với quan điểm ảm đạm về thiên nhiên*

Chúng ta sẽ không nói sâu hơn nữa về khía cạnh này vì không ai trong chúng ta phải chịu khổ về thể xác nhiều như ông đã chịu đựng hoặc trải qua những khó khăn của ông ở trong nơi hoang dã. Thật khó để thưởng thức vẻ đẹp của bông hoa hồng khi chúng ta đang ho ra máu.

Nhưng chúng ta phải xem điều này là khởi đầu cho cuộc chiến

đầu của Brainerd bởi vì một con mắt hướng tới cái đẹp còn hơn là sự ảm đạm đã giảm bớt phần nào gánh nặng của ông. Edwards khen Brainerd vì không phải là người có “trí tưởng tượng ảm áp” (93). Đây là một đức tính tốt mà Edwards đã học được vì như vậy có nghĩa là Brainerd đã thoát khỏi điều mà ông gọi là “sự nhiệt tình” tôn giáo – tức là cảm xúc tôn giáo dựa vào những ấn tượng và cảnh tượng tức thời ở trong trí tưởng tượng hơn là sự hiểu biết thuộc linh về tính hoàn hảo về mặt đạo đức của Đức Chúa Trời. Vậy, Edwards khen Brainerd vì đã không có “những hình ảnh mạnh mẽ và sống động hình thành từ trí tưởng tượng của ông” (93).

Nhưng có một nhược điểm tai hại đối với một khối óc không giàu trí tưởng tượng. Trong trường hợp của Brainerd, điều này có nghĩa là ông không hề thấy gì trong tự nhiên ngoài một “nơi hoang vu đang gào thét” và một kẻ thù lạnh nhạt. Không gì trong nhật ký của ông giống như mấy chuyến đi của Jonathan Edwards khi đi trong rừng và nhìn thấy những hình ảnh vinh hiển và vang vọng sự tốt đẹp của Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi.

Đối với tôi, Norman Pettit thật đúng khi ông nói rằng:

*Khi Edwards nhìn thấy những ngọn núi và những nơi hoang tàn phơi bày sự thiêng liêng, Brainerd chỉ nhìn thấy một “hoang mạc gào thét”. Nơi nào tâm linh của Edwards cảm thấy vui sướng “về mặt trời, mặt trăng và các vì sao; về đám mây và bầu trời xanh biếc; về bãi cỏ, hoa, cây”, thì Brainerd chưa bao giờ đề cập đến vẻ đẹp tự nhiên. Ngược lại niềm vui hè về của Edwards là nỗi sợ hãi mùa đông của Brainerd (23).*

Brainerd chưa bao giờ đề cập đến phong cảnh hay hoàng

hôn. Có nơi ông nói mình cần phải điều chỉnh cách làm việc để tối đa hóa tính hữu dụng của mình (292).

Nhưng ông chưa từng mô tả sự điều chỉnh hoặc điều đại loại đã ảnh hưởng ông như thế nào.

Thật buồn khi Brainerd bị mù quáng (có lẽ do sự đau khổ của ông) trước một trong những liều thuốc của Đức Chúa Trời để chữa bệnh trầm cảm. Spurgeon đã mô tả điều này cũng như bất kỳ ai rằng:

*Ngồi lâu trong một tư thế, đọc sách hoặc viết bút lông ngỗng, đã là một việc rất vất vả rồi; nhưng thêm vào đó là căn phòng không thoáng khí, một thân thể đã lâu không vận động cơ bắp và một tấm lòng trĩu nặng bao lo toan, chúng ta có đủ nguyên liệu để tạo ra nung nấu sự tuyệt vọng, nhất là trong những tháng sương mù dày đặc . . . Thiên nhiên bên ngoài cửa sổ đang kêu gọi ông phục hồi lại sức khỏe và vẫy gọi ông tìm kiếm niềm vui. Người nào quên tiếng ong vo ve trong bụi thạch nam, tiếng gù của chim bồ câu trong rừng, tiếng chim hót trong rừng, tiếng rì rào của dòng suối giữa bụi cói và tiếng thờ dài của gió giữa rừng thông, không khỏi thắc mắc lòng có quên ca hát, tâm hồn có trĩu nặng hay không.<sup>3</sup>*

Tôi nói rằng chúng ta sẽ nhanh chóng bỏ qua cho Brainerd vì đã tìm được sức lực và sự sáng khoái từ thế giới đầy niềm vui của Đức Chúa Trời, bởi vì sự đau khổ của ông khiến mình rất khó nhìn thấy. Nhưng chúng ta phải cố gắng hết sức để không bị khuất phục giống như ông. Spurgeon và Edwards là tấm gương cho

---

3. Những bài học cho sinh viên của tôi, (Grand Rapids: Nhà xuất bản Zondervan, 1972), trang 158.

chúng ta về cách sử dụng thiên nhiên ở trong chức vụ. Tất nhiên, một người có thẩm quyền hơn đã nói rằng: “Hãy ngắm xem những hoa huệ”.

*Brainerd chiến đấu để yêu người da đỏ*

Nếu hy sinh là tình yêu thương thì Brainerd đã yêu thương. Nhưng nếu lòng thương xót là tình yêu thương thì Brainerd đã chiến đấu để yêu nhiều hơn chính mình đã làm. Đôi khi ông bị tan vỡ trong tình yêu.

Ngày 18 tháng 9 năm 1742:

*Cảm thấy thương xót các linh hồn và tôi không còn than khóc nữa. Tôi cảm thấy mình nhân từ, nhu mì, hiền lành và yêu thương mọi người hơn bao giờ hết (181).*

Ngày 26 tháng 12 năm 1742:

*Cảm thấy ngọt ngào và mềm mại hơn khi cầu nguyện, đặc biệt là cả tâm hồn tôi dường như yêu thương những kẻ thù tối tệ nhất của mình, có thể cầu nguyện cho những kẻ xa lạ và kẻ thù của Đức Chúa Trời bằng một mức độ hết sức mềm mại và nhiệt thành (193).*

Thứ Ba, ngày 2 tháng 7 năm 1745:

*Tôi cảm thấy tấm lòng của mình hướng về Đức Chúa Trời trong lời cầu nguyện gần như suốt buổi trưa; đặc biệt là khi đi xe. Vào buổi tối, không thể không kêu cầu Chúa cho những người da đỏ tội nghiệp đó; sau khi đi ngủ, lòng tôi tiếp tục hướng về Chúa cho đến khi chìm vào giấc ngủ. Ôi, ‘Ngợi khen Đức Chúa Trời vì tôi có thể cầu nguyện!’ (302).*

Còn những lúc khác, ông dường như không còn chút tình cảm hay lòng thương xót nào cho linh hồn của họ. Ông bày tỏ sự mặc cảm tội lỗi về việc đáng lẽ ông nên rao giảng cho những linh hồn bất tử không còn sự nóng cháy và không mấy khao khát được cứu rỗi (235). Lòng thương xót của ông có thể trở nên phẳng lặng.

Ngày 2 tháng 11 năm 1744:

*Vào buổi trưa, phi ngựa đến gặp người da đỏ; khi đi, không còn khao khát họ nữa, thậm chí sợ nói chuyện với họ (272).*

Vì thế, Brainerd phải chiến đấu với sự thăng trầm của tình yêu thương ở trong tấm lòng của riêng mình. Ông đã yêu, nhưng lại khao khát được yêu nhiều hơn nữa.

*Brainerd chiến đấu để giữ đúng sự kêu gọi của mình*

Mặc dù Brainerd bị trục xuất khỏi Yale ban đầu cản trở việc trở thành mục sư của ông và khiến ông phải cân nhắc trở thành giáo

sĩ, nhưng lời kêu gọi trở thành giáo sĩ mà ông nhận được từ Chúa không mất đi khi cơ hội trở thành mục sư cuối cùng cũng xuất hiện. Có vài cơ hội để ông có được cuộc sống thoải mái hơn trong vai trò làm mục sư của giáo xứ.

Nhà thờ ở Millington, gần quê hương Haddam, đã gọi điện cho ông vào tháng 3 năm 1744, ông mô tả cuộc gọi này là mối bận tâm và gánh nặng lớn. Ông từ chối và cầu nguyện xin Chúa sai nhiều con gặt đến trong vườn nho của Ngài (244). Nhà thờ ở Đông Hampton ở Long Island cũng gọi ông. Jonathan Edwards gọi đây là “thị trấn công bằng nhất, dễ chịu nhất trên hòn đảo và là một trong những giáo xứ lớn nhất và giàu có nhất”. Brainerd đã viết vào thứ Năm, ngày 5 tháng 4 rằng:

*Đã quyết tâm tiếp tục công việc với người Da đỏ, nếu Chúa thần hựu cho phép; mặc dù trước đó tôi đã có ý định đến Đông Hampton, là nơi tôi được mời (245).*

Ngoài ra còn có nhiều cơ hội khác nữa. Nhưng mỗi lần cuộc chiến được giải quyết bằng cảm giác cru mang và sự kêu gọi:

*[Tôi] không thể có tự do nghĩ về bất kỳ hoàn cảnh hay công việc nào khác trong cuộc sống: Tất cả khao khát của tôi là cải đạo người chưa tin Chúa, tất cả hy vọng của tôi là ở trong Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời không cho phép tôi làm hài lòng hay tự yên ủi mình bằng hy vọng được gặp lại bạn bè, trở về với người thân và tận hưởng những tiện nghi trần thế (263).*

Vậy, rõ ràng là đã có sự tranh chiến, nhưng ông đã giữ vững vị trí của mình bằng sự sẵn sàng chịu khổ và niềm say mê được chứng kiến nước của Đấng Christ được lan rộng giữa vòng người Da đỏ.

*Brainerd tiếp tục vì Nước Đức Chúa Trời cách say mê*

Tôi nghĩ lý do khiến cuộc đời của Brainerd có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi người là vì bất chấp mọi khó khăn, ông không hề từ bỏ đức tin hay chức vụ của mình. Ông tràn là người đam mê hoàn thành cuộc đua của mình, tôn kính Chủ của mình, truyền bá vương quốc và tấn tới trong sự nên thánh của mình. Chính lòng trung thành không lay chuyển vì cơ Đấng Christ đã làm cho cuộc đời âm đạm của ông bừng sáng cách vinh hiển, để chúng ta có thể hiểu được Henry Martyn khi ông viết lúc còn là sinh viên ở Cambridge vào năm 1802 rằng: “Tôi khao khát được giống như ông ấy”(4)!”

Brainerd gọi đam mê muốn được nên thánh và hữu ích hơn là “nỗi đau dễ chịu”.

*Khi tôi thực sự vui hưởng Đức Chúa Trời, tôi thấy sự khao khát Chúa và sự thèm khát được nên thánh của mình càng nhiều hơn nữa . . . Ôi, sự thánh khiết! Ôi, xin đầy dẫy Đức Chúa Trời ở trong tâm hồn tôi! Ôi, nỗi đau này dễ chịu thay! Khiến tâm hồn tôi khao khát Chúa . . . Ôi, ước gì tôi không đi lang vãng trên thiên trình của mình (186)!*

Ông bị thu hút bởi lời khuyên của sứ đồ rằng: “Hãy lợi dụng thì giờ, vì những ngày là xấu”. (Ê-phê-sô 5:16) Ông cũng khuyên rằng: “Chớ mệt nhọc về sự làm lành, vì nếu chúng ta không trễ nải, thì đến kỳ, chúng ta sẽ gặt”. (Ga-la-ti 6:9) Ông cũng cố gắng như sứ

đồ Phao-lô nói “hãy làm công việc Chúa cách dư dật luôn” (1 Cô-rinh-tô 15:58).

Ngày 17 tháng 4 năm 1747:

*Ôi, tôi khao khát lấp đầy những khoảnh khắc còn lại cho Đức Chúa Trời! Mặc dù thân thể tôi rất yếu ớt, mệt mỏi vì giảng dạy và trò chuyện riêng tư, nhưng tôi vẫn muốn ngồi suốt đêm để làm điều gì đó cho Đức Chúa Trời. Xin tôn vinh Đức Chúa Trời là Đấng ban phát sự tươi tỉnh này sẽ được vinh hiển mãi mãi và đời đời; Amen (246).*

Ngày 21 tháng 2 năm 1746:

*Tâm hồn tôi được tươi mới và được yên ủi, tôi không biết làm gì khác ngoài chúc tụng Đức Chúa Trời, là Đấng đã giúp tôi trung tín trong ngày hôm qua. Ôi, thật ngọt ngào biết bao khi được dâng mình và làm hết sức vì Đức Chúa Trời (366)!*

Trong số tất cả công cụ mà Brainerd đã dùng để theo đuổi sự thánh khiết và hữu ích ngày càng lớn hơn, thì sự cầu nguyện và kiêng ăn là nổi bật hơn hết. Chúng ta đọc thấy ông dành cả ngày để cầu nguyện (172), đôi khi dành sáu lần trong ngày để cầu nguyện (280), đôi khi tìm kiếm một gia đình hoặc bạn bè để cầu nguyện chung. Ông cầu nguyện cho sự nên thánh của mình. Ông cầu nguyện cho sự cải đạo và sự trong sạch của những người da đỏ. Ông cầu nguyện cho sự tấn tới của nước Đấng Christ trên

khắp thế giới và đặc biệt là ở Mỹ. Đôi khi tinh thần cầu nguyện giữ ông ở lại đến nỗi không thể dừng lại.

Một lần nọ, khi đến thăm một gia đình cùng với bạn bè, ông đã ở một mình cầu nguyện:

*Tôi tiếp tục vật lộn với Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện cho bấy chiêm thân yêu của mình ở đây; đặc biệt hơn nữa là cho người da đỏ ở nhiều nơi khác; cũng như cho những người bạn thân ở chỗ này chỗ kia; cho đến giờ đi ngủ và tôi sợ sẽ làm phiền gia đình . . . Nhưng sao tôi thấy mình miễn cưỡng không muốn dành thời gian cho giấc ngủ (402)!*

Bên cạnh việc cầu nguyện, Brainerd theo đuổi sự nên thánh và sự hữu ích bằng sự kiêng ăn. Trong Nhật ký của mình, ông kể đi kể lại những ngày kiêng ăn. Ông kiêng ăn để tìm kiếm sự chỉ dẫn khi bối rối về bước tiếp theo trong chức vụ của mình. Ông kiêng ăn với hy vọng sẽ tấn tới trong đời sống thuộc linh cách sâu sắc hơn và trở nên hữu ích hơn để đem sự sống đến với người Da đỏ. Khi hấp hối tại nhà Edwards, ông đã kêu gọi các mục sư trẻ đến gặp ông hãy thường xuyên cầu nguyện riêng và kiêng ăn vì điều đó rất hữu ích (473).

Chính Edwards đã nói rằng:

*Trong số rất nhiều ngày ông dành để kiêng ăn và cầu nguyện riêng tư, như ông đã kể trong quyển nhật ký, hiếm có ngày nào ngoại trừ những ngày kiêng ăn hoặc sau ngày kiêng ăn mà ông không nhận được sự đáp lời về tài chính cách đặc biệt và sự yên ủi đến từ Thánh Linh của Đức*

*Chúa Trời; thường xuyên xảy ra trước khi một ngày kết thúc (531).*

Bên cạnh sự cầu nguyện và kiêng ăn, Brainerd đã dành thời gian cho nghiên cứu và suy gẫm ba việc này.

Ngày 20 tháng 12 năm 1745:

*Tôi dành phần lớn thời gian trong ngày để viết; nhưng có thể kết hợp cầu nguyện với sự nghiên cứu của mình (280).*

Ngày 7 tháng 1 năm 1744:

*Đã trải qua một ngày cách nghiêm túc, bằng lòng quyết tâm vì Chúa và một đời sống trừ bỏ tội lỗi. Nghiên cứu kỹ càng, cho đến khi tôi cảm thấy sức lực của mình cạn kiệt (234).*

Ngày 20 tháng 12 năm 1742:

*Đã dành ngày hôm nay để cầu nguyện, đọc và viết; và nhận được vài sự trợ giúp, đặc biệt là trong việc điều chỉnh một số suy nghĩ về một chủ đề nào đó (192).*

Ông không ngừng viết và suy nghĩ về những vấn đề thần học. Đó là lý do tại sao chúng ta có quyển Nhật ký! Nhưng còn nhiều hơn thế nữa. Chúng ta thường đọc những câu như: “Hầu hết thời gian trong ngày đều viết về một chủ đề thiêng liêng. Thường xuyên cầu nguyện” (240). “Tôi đã dành phần lớn thời gian để viết về một chủ đề thiêng liêng rất ngọt ngào” (284). “Viết lách gần như cả ngày” (287). “Đã dậy sớm và viết dưới ánh nến một lúc lâu; dành phần lớn thời gian trong ngày để viết ”(344). “Vào ban đêm, tôi tận hưởng một vài suy nghĩ rõ ràng nhất về một chủ đề thiêng liêng . . . mà tôi còn nhớ về đề tài đó; rồi dành hai hoặc ba giờ để viết chúng” (359).

Cuộc đời của Brainerd là một cuộc đời căng thẳng kéo dài để “lợi dụng thì giờ” và “không mệt mỏi làm việc lành” và “làm công việc Chúa cách dư dật luôn”. Cuộc đời của ông có sự ảnh hưởng là vì ông đã duy trì sự đam mê này bằng những cách chiến đấu và chịu khổ.

### **Ảnh hưởng từ đời sống của Brainerd**

*Jonathan Edwards bị ảnh hưởng rất lớn.*

Đầu tiên, tôi sẽ đề cập đến việc ảnh hưởng Jonathan Edwards, là mục sư và nhà thần học vĩ đại của Northampton. Edwards làm chứng rằng:

*Tôi sẽ kết thúc nhận xét của mình về cái chết đau thương của Brainerd mà không thiếu lời cảm tạ ân điển của Đức Chúa Trời thần hựu ở trên chính tôi và gia đình của tôi đến nỗi Chúa đã để cho ông . . . được đưa đến ở nhà của tôi trong lúc cuối cùng và sẽ qua đời tại đây: Hầu cho chúng tôi có cơ hội làm quen và trò chuyện nhiều với ông, bày tỏ sự từ tế đối với ông trong lúc đau thương, để nhìn thấy lúc*

*hấp hối của ông, để lắng nghe mấy lời hấp hối của ông, để nhận được lời khuyên của ông và cũng để được ông cầu nguyện cho mình trước khi qua đời (541).*

Edwards nói điều này mặc dù ông chắc hẳn đã biết mình đã phải trả giá bằng chính mạng sống của con gái khi có Brainerd mắc bệnh khủng khiếp ấy ở trong nhà. Jerusha đã chăm sóc Brainerd với tư cách là y tá trong 19 tuần cuối đời của ông, 4 tháng sau khi ông qua đời, bà cũng chết vì bị đau tương tự. Vậy, Edwards thực sự đã nói mấy lời ấy cách chân thành, tức là Brainerd đến nhà của mình để qua đời là “ân điển của Đức Chúa Trời thần hựu”.

Vì đời sống tận hiến của Brainerd ảnh hưởng Jonathan Edwards rất nhiều, nên Edwards đã viết trong hai năm tiếp theo về *Cuộc đời của Brainerd*, quyển sách này được tái bản thường xuyên hơn bất kỳ quyển sách nào khác của ông. Qua quyển sách này, ảnh hưởng của Brainerd đối với Hội thánh là không thể đo đếm được. Ngoài tất cả giáo sĩ nổi bật nói với chúng ta rằng họ đã được nâng đỡ và thôi thúc quyển sách *Cuộc đời của Brainerd*, thì đã có rất nhiều tôi tớ trung tín vô danh khác đã tìm được sức lực để tiến về phía trước qua cuộc đời của Brainerd!

### *Princeton và Dartmouth được thành lập*

Một ảnh hưởng ít được biết đến trong cuộc đời của Brainerd – tức là một ảnh hưởng nhờ có ân điển thần hựu của Đức Chúa Trời hơn bất kỳ ý định nào từ phía Brainerd – là việc thành lập trường Đại học Princeton và Đại học Dartmouth. Jonathan Dickinson và Aaron Burr, là những lãnh đạo đầu tiên của Princeton và nằm trong số những người sáng lập trường, đã chú ý trường hợp của Brainerd tại Yale và rất khó chịu khi trường không tiếp nhận ông.

Sự kiện này đã đẩy lên sự bất mãn mà Hội đồng Giáo hội Trưởng lão ở New York và New Jersey đối với Yale và dẫn tới quyết định thành lập trường học của riêng họ. Đại học New Jersey (sau này là Princeton) được thành lập vào tháng 10 năm 1746. Dickinson được bổ nhiệm làm hiệu trưởng đầu tiên khi các lớp học bắt đầu tại nhà ông vào tháng 5 năm 1747 ở thị trấn Elizabeth, Brainerd đã ở đó để cố gắng hồi phục trong những tháng cuối, vì thế ông được xem là sinh viên đầu tiên đã ghi danh. David Field và Archibald Alexander cùng những người khác làm chứng rằng “trường đại học Princeton được thành lập vì trường hợp Brainerd bị đuổi khỏi Yale” (55).

Một ảnh hưởng đáng kinh ngạc khác trong cuộc đời của Brainerd là ông đã mang lại nguồn cảm hứng cho việc thành lập trường Đại học Dartmouth bởi Eleazer Wheelock. Brainerd cảm thấy bị thất bại khi vượt tới người da đỏ Iroquois ở Susquehanna. Ông làm việc với họ khoảng một năm rồi chuyển đi. Nhưng quyển Nhật ký thời đó của ông đã khơi dậy lòng quyết tâm của Wheelock đi đến Iroquois thuộc Connecticut. Từ tấm gương giảng dạy người Da đỏ của Brainerd, ông đã thành lập một trường học vào năm 1748 dành cho người Da đỏ và người da trắng ở Lebanon. Sau đó, trường được chuyển đến Hannover, New Hampshire, là nơi Wheelock thành lập trường Đại học Dartmouth.

Vào năm 1740, Yale, Harvard, William và Mary là các trường đại học thuộc địa duy nhất, họ không có thiện cảm với lòng sốt sắng vì Tin lành của thời kỳ Đại Tỉnh Thức. Nhưng làn sóng Tỉnh Thức đã mang lại lòng nhiệt thành cho ngành giáo dục cũng như lòng sốt sắng. Giáo hội Trưởng lão đã thành lập trường Princeton, Giáo hội Báp-tít đã thành lập trường Brown, Giáo hội Cải cách Hà Lan đã thành lập Rutgers và các Giáo hội Độc lập đã thành lập Dartmouth. Thật kinh ngạc khi David Brainerd được xem là nhân tố thiết yếu tạo động lực cho việc thành lập hai trong số các trường họ nói trên. Nếu ông là một học giả có phần nản chí, suy nghĩ và viết lách dưới ánh nền trong nơi hoang dã, thì tầm nhìn

của ông về nền giáo dục Tin lành chắc hẳn đã được thực hiện tốt hơn nếu ông cống hiến cả đời cho lý tưởng đó thay vì cho công tác giáo sĩ.

*Nhiều linh hồn sẽ vui hưởng Đức Chúa Trời đời đời*

Tôi kết thúc bằng cách nói rằng ảnh hưởng tuyệt vời nhất qua chức vụ của Brainerd cũng giống như ảnh hưởng tuyệt vời nhất qua chức vụ của từng mục sư. Một số ít người da đỏ – có lẽ là hàng trăm người – được sống đời đời nhờ tình yêu thương và chức vụ của David Brainerd. Một số câu chuyện cá nhân của họ sẽ tạo thành một bài giảng khác – một bài giảng thuyết phục. Ai có thể mô tả được giá trị của một linh hồn từ trong nước tối tăm, khốc lóc và nghiện rượu đến trong nước của Con yêu dấu Đức Chúa Trời! Nếu chúng ta sống được 29 năm hoặc 99 năm, thì cho dù gian khổ đến như thế nào cũng xứng đáng để cứu rỗi một người khỏi sự dày vò đời đời của địa ngục để vui hưởng vinh hiển đời đời của Đức Chúa Trời phải không?

Lời cuối cùng của tôi chắc cũng giống như của Edwards. Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời vì chức vụ của David Brainerd ở trong cuộc đời của tôi. Từ một quyển nhật ký có vẻ yếu đuối và trần tục so với của Brainerd mà tôi đã trích rằng:

Ngày 28 tháng 6 năm 1986:

*Chiều nay Tom và Julie (Steller) cùng tôi lái xe đến Northampton. Chúng tôi tìm thấy bia mộ của David Brainerd, một phiến đá sẫm màu có kích thước bằng bề mặt của ngôi mộ và một phiến đá cẩm thạch trắng nhỏ hơn có khắc những dòng chữ này:*

*Tưởng nhớ Mục sư David Brainerd. Một giáo sĩ trung*

DAVID BRAINERD

*tín và hết mình cho Stockbridge, Delaware và Susquehanna*  
**CÁC BỘ LẠC NGƯỜI DA ĐỎ** đã chết tại thị trấn này. Ngày  
10 tháng 10 năm 1747 AE 32<sup>4</sup>

Tom và Julie (và Ruth và Hannah) cùng tôi nắm tay nhau đứng quanh ngôi mộ và cầu nguyện để cảm ơn Chúa vì Brainerd và Jonathan Edwards cũng như sự cống hiến hết mình cho công việc và cho Đức Chúa Trời của họ. Đó là một khoảnh khắc đáng nhớ, tôi hy vọng là khoảnh khắc ấy sẽ mạnh mẽ và lâu dài.

---

4. Cả hai sự kiện này đều không chính xác: ông đã qua đời lúc 29 tuổi vào ngày 9 tháng 10.

## MỤC VỤ TIÊN PHONG

Mục vụ Tiên Phong ra đời với khái tượng “chuyển ngữ và xuất bản tài liệu Cơ Đốc để rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự vui mừng của người Việt, đặc biệt là qua sự chịu khổ, trong Đức Chúa Jêsus Christ”.

Tài liệu Cơ Đốc này không thể thay thế Lời Chúa và những tài liệu của Hội thánh mà quý con cái Chúa đang nhóm lại hàng tuần. Chúng tôi chỉ mong con cái Chúa sử dụng các tài liệu này để bày tỏ Phúc Âm của Đức Chúa Jêsus Christ cho gia đình, người thân, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Nếu bạn muốn biết làm thế nào để dâng hiến, hỗ trợ và nhận tin tức về các tựa sách khác mà Mục vụ Tiên Phong đang chuyển ngữ, xin hãy liên hệ chúng tôi bằng thư điện tử [info@tienphong.org](mailto:info@tienphong.org) hoặc bạn có thể tìm đến trang điện tử [www.tienphong.org](http://www.tienphong.org) để tải về và đọc các tài liệu miễn phí.

Chúng tôi chân thành biết ơn các anh chị em con cái Chúa đã tin tưởng hỗ trợ dự án tài liệu Cơ Đốc cho người Việt của Mục vụ Tiên Phong.

Xin Chúa dẫn dắt,

**Mục vụ Tiên Phong**

Vào năm 1742, Đại học Yale đã đuổi học David Brainerd.

Một cuộc thức tỉnh thuộc linh đã bùng cháy ở trong trường vài tháng trước đó. Sự việc phát triển đến mức thu hút rất nhiều sinh viên sốt sắng, căng thẳng teo thang giữa vòng ban giám học đầy hoài nghi tới mức ban giám hiệu cấm sinh viên nói bóng gió về bất kỳ người nào trong ban giám học là “giả hình, xác thịt và chưa cải đạo”.

Trước khi Brainerd bị cáo buộc đã thốt ra mấy lời không hay giống như thế, mặc dù ông đứng đầu lớp về mặt học tập, họ đã đuổi ông khỏi trường. Hơn nữa, để được thụ phong làm mục sư ở Connecticut thì người đó phải tốt nghiệp trường Yale, Havard, hoặc là đại học châu Âu. Giấc mơ (và sự vâng phục!) trở thành mục sư của Brainerd đã bị tiêu tan. Thật là khó, như John Piper giải thích rằng: “Brainerd cảm thấy bị mất sự kêu gọi của cuộc đời mình”.

Đây là một sự thật khó nuốt trôi. Thật là thảm kịch khi xét về cái chết của David Brainerd khi ông chỉ mới 29 tuổi. Nhưng chúng ta sẽ nhìn vào cuộc đời của ông để thừa nhận rằng vẫn có một câu chuyện đáng được kể lại và thuật lại nhiều lần nữa. Một câu chuyện không nói về lý do bị đuổi học, mà nói về công tác của Đức Chúa Trời đã làm qua một người chỉ vốn vẹn vài năm từ lúc bị đuổi học cho đến khi qua đời.



**John Piper** là giáo sư và người sáng lập mục vụ Desiring God, ông cũng là hiệu trưởng của trường Cao đẳng và Viện Bethlehem. Ông đã từng là mục sư của Hội thánh Báp-tít Bethlehem trong 33 năm, ở thành phố Minneapolis, ông cũng là tác giả của hơn 50 tựa sách, trong đó có *“Nhìn thấy và say mê Jesus Christ”*, *“Vi-rút Corona và Đấng Christ”*, *“Đừng lãng phí cuộc đời”* đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt.

